

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU LUẬT HỘ TỊCH

Luật Hộ tịch được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2026; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 03/2026/L-CTN ngày 14/5/2026; có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT HỘ TỊCH¹

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, xác định nhiệm vụ chung của toàn bộ hệ thống chính trị: “Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm”; “Tiếp tục cải cách hành chính mạnh mẽ, ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin; đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử”; “Tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã và quy định khung số lượng cán bộ, công chức cấp xã cho phù hợp theo hướng xác định rõ vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, đặc thù của địa phương và bảo đảm giảm biên chế”.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã xác định yêu cầu: “Đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp...”.

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới, yêu cầu: “...Phân cấp, phân quyền hợp lý, rõ ràng giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm...”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: “Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không

¹ Tờ trình số 63/TTr-CP ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ

phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu”.

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025, Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII, yêu cầu: *“Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và tổ chức hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, bảo đảm đủ điều kiện, nguồn lực để thực hiện, nâng cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương”.*

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, xác định: *“Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.*

- Kết luận số 186-KL/TW ngày 29/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, kết quả hoạt động của bộ máy hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp, có yêu cầu: *“các Bộ ngành tiếp tục rà soát, cắt giảm thành phần hồ sơ không cần thiết trên nguyên tắc khai thác tối đa các dữ liệu sẵn có”.*

- Thông báo kết luận số 01-TB/BCĐTW ngày 22/01/2025 của Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số sau Phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo yêu cầu: *“... 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh; ...”.*

1.2. Cơ sở pháp lý

- Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, có quy định: *“Các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành hai cấp, gồm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do luật định”* (Khoản 4 Điều 1 - sửa đổi, bổ sung Điều 110 Hiến pháp năm 2013).

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 quy định về đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp: *“Đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được tổ chức thành 02 cấp, gồm có: Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh); Xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cấp xã)...”.*

- Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 ngày 18/02/2025 quy định: *“Khuyến khích cơ quan nhà nước ở trung ương và chính quyền địa phương chủ*

động đề xuất việc phân quyền, phân cấp ...”; “Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ chưa phù hợp với quy định của Luật này thì phải điều chỉnh thống nhất với quy định của Luật này trong thời hạn 02 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành”.

- Luật Cán bộ, công chức năm 2025, Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, yêu cầu cần nâng cao điều kiện, tiêu chuẩn cho công chức hộ tịch cấp xã bảo đảm đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ đẩy mạnh đăng ký, quản lý hộ tịch trên nền tảng số.

- Luật Căn cước năm 2023 quy định Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử (CSDLHTĐT) là nguồn cung cấp thông tin cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGVC).

- Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định: “Cơ quan nhà nước phải bảo đảm kết quả giải quyết thủ tục hành chính hoặc kết quả hoạt động công vụ khác không thuộc phạm vi bí mật nhà nước đều có văn bản điện tử có giá trị pháp lý như văn bản giấy, có thể truy cập và sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh. Cơ quan nhà nước phải tiếp nhận, giải quyết yêu cầu của tổ chức, cá nhân trên môi trường điện tử, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Các lĩnh vực hoạt động của cơ quan nhà nước ưu tiên thực hiện toàn trình trên môi trường điện tử, trong đó bao gồm cung cấp dịch vụ công”.

- Nghị quyết số 142/2024/QH15, kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV có quy định: “..., triển khai thí điểm mô hình Bộ phận một cửa theo hướng kết hợp cung cấp dịch vụ hành chính công của các đơn vị hành chính trên địa bàn một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong năm 2024 để tổng kết, nhân rộng nhằm tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính”.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, yêu cầu: “Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”.

- Nghị quyết 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026 đã giao Chính phủ trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XVI (tháng 4/2026) dự án Luật Hộ tịch (sửa đổi).

- Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021- 2030 với các mục tiêu liên quan đến cải cách thủ tục hành chính, yêu cầu: “... *Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau*”; “...*Loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có*”; “*Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền nhiễu, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân*”; “*Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu*”.

- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu, yêu cầu: “*Cơ quan tiếp nhận, giải quyết TTHC khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế thành phần hồ sơ giải quyết TTHC*”; “*Thông tin trên Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được khai thác và sử dụng thay thế các giấy tờ sau ...*”.

2. Cơ sở thực tiễn

Triển khai thi hành Luật Hộ tịch năm 2014, công tác đăng ký, quản lý hộ tịch có những bước chuyển biến tích cực, ngày càng nền nếp, hiệu quả; hệ thống quy định pháp luật về hộ tịch liên tục được hoàn thiện²; đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch, hệ thống cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch được củng cố cả về biên chế, chất lượng, năng lực³; CSDLHTĐT được xây dựng, hoàn thiện với trên 145 triệu dữ liệu hộ tịch được cơ quan có thẩm quyền đăng ký, xác nhận từ đầu thế kỷ XX đến nay, với cốt lõi là Hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung⁴, kết nối, chia sẻ với CSDLQGVDC, bảo đảm khả năng tiếp nhận thông tin điện tử từ các hệ thống, cơ sở dữ liệu quốc gia, bộ, ngành khác phục vụ đăng ký hộ tịch, quản lý nhà nước về dân cư, an sinh xã hội ...; quản lý nhà nước về hộ tịch từng

² Có 15 văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Hộ tịch của Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính ban hành, trong đó có 05 Nghị định, 01 Thông tư liên tịch và 09 Thông tư.

³ Đến nay, cả nước có 8.082 công chức tư pháp - hộ tịch trên tổng số 3.321 xã, phường, đặc khu, hầu hết công chức tư pháp - hộ tịch đều có trình độ chuyên môn Luật đáp ứng tiêu chuẩn và được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch.

⁴ Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử được triển khai thống nhất tại 34/34 tỉnh, thành phố, với hơn 24 nghìn người dùng, bao gồm: 10 nghìn tài khoản của công chức tư pháp - hộ tịch, 14 nghìn tài khoản của Lãnh đạo và Văn thư UBND cấp xã. Trong CSDLHTĐT có hơn 145 triệu dữ liệu, bao gồm: 84.472.521 dữ liệu đăng ký khai sinh; 24.662.100 dữ liệu kết hôn; 19.264.209 dữ liệu cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; 15.340.624 dữ liệu khai tử; 437.706 dữ liệu nhận cha mẹ con; 31.866 dữ liệu giám hộ; 27.278 dữ liệu đăng ký nhận nuôi con nuôi; 1.400.989 dữ liệu cải chính, thay đổi, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.

bước đổi mới, đi vào chiều sâu, toàn diện hơn, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước.

Qua 6 tháng triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền theo các cơ sở chính trị, pháp lý nêu tại mục 1, các Nghị định số 120/2025/NĐ-CP, Nghị định số 121/2025/NĐ-CP, các kết quả kiểm tra, đánh giá cho thấy việc thực hiện các nhiệm vụ này trong lĩnh vực hộ tịch cơ bản bảo đảm tính khả thi, các địa phương không có kiến nghị, phản ánh liên quan đến quy định của pháp luật về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực hộ tịch; chỉ có một số ý kiến liên quan đến hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện nhiệm vụ xem xét, phê duyệt các đề nghị xóa dữ liệu hộ tịch điện tử trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp⁵.

Trước yêu cầu ngày càng cao của công cuộc cải cách tư pháp, cải cách hành chính, tổ chức, sắp xếp lại bộ máy, đẩy mạnh chuyển đổi số, công tác đăng ký, quản lý hộ tịch cũng cho thấy còn một số hạn chế, bất cập như:

(i) Nhiều quy định của Luật Hộ tịch không phù hợp với yêu cầu tổ chức, sắp xếp lại bộ máy, trong đó: 26/77 Điều của Luật có quy định liên quan đến thẩm quyền đăng ký hộ tịch, trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp huyện cần phải sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ.

(ii) Tổng kết kết quả triển khai thi hành Luật Hộ tịch⁶, thực hiện Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2017-2024; tổng hợp kết quả công tác thanh tra, kiểm tra tình hình đăng ký, quản lý hộ tịch tại các địa phương cho thấy một số nội dung quy định khác của Luật Hộ tịch cần được sửa đổi, bổ sung kịp thời nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn, cụ thể:

+ Bổ sung các quy định điều chỉnh các trường hợp giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch của người dân nảy sinh khó khăn, vướng mắc về phạm vi điều chỉnh, phạm vi thay đổi hộ tịch⁷;

⁵ Kết quả triển khai khảo sát, đánh giá theo Công văn số 137/CV-BCĐ ngày 28/9/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

⁶ Báo cáo tổng kết Luật Hộ tịch số 772/BC-BTP ngày 18/12/2025 tổng hợp kết quả từ Báo cáo tổng kết của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2022; Hội nghị tổng kết 06 năm triển khai thi hành Luật hộ tịch.

⁷ - Luật Hộ tịch quy định thủ tục đăng ký giám hộ bao gồm: Đăng ký giám hộ đương nhiên, đăng ký giám hộ cử, đăng ký chấm dứt giám hộ và đăng ký thay đổi giám hộ. Đối với yêu cầu giám sát việc giám hộ theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Dân sự thì Luật Hộ tịch chưa có quy định cụ thể (hiện mới chỉ được quy định tại Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ);

- Phạm vi thay đổi hộ tịch chưa cho phép thay đổi quê quán, trong khi đó, thông tin về quê quán cũng là một trong những thông tin cá nhân mà Luật Hộ tịch cho phép cha, mẹ được thỏa thuận lựa chọn cho con khi đăng ký khai sinh. Tương tự, đối với trường hợp chấm dứt việc nuôi con nuôi, con nuôi muốn thay đổi thông tin về cha mẹ từ cha mẹ nuôi sang cha, mẹ đẻ;

- Luật Hộ tịch quy định việc thay đổi hộ tịch, xác định lại dân tộc cho cá nhân trong nội dung khai sinh đã được đăng ký, nhưng chưa có quy định hướng dẫn việc điều chỉnh thông tin/ghi chú nội dung thay đổi trong các giấy tờ hộ tịch khác có liên quan;

- Quy định về thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh cũng cần điều chỉnh để phù hợp với pháp luật liên quan.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về cách thức thực hiện, trả kết quả đăng ký hộ tịch nhằm cải cách, tăng cường đăng ký trực tuyến, đăng ký hộ tịch phi địa giới hành chính, phục vụ chuyển đổi số (sửa đổi quy định yêu cầu người đi đăng ký hộ tịch phải có mặt để ký sổ, nhận kết quả bản giấy trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch, bổ sung quy định cho phép đăng ký hộ tịch không phụ thuộc địa giới hành chính theo 2 mức độ - trong phạm vi cấp tỉnh và trên toàn quốc tương ứng với 2 nhóm việc hộ tịch).

Các nội dung này đã được điều chỉnh tại Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, tuy nhiên các quy định này chỉ có hiệu lực đến ngày 01/3/2027, cần sửa Luật Hộ tịch để đáp ứng các yêu cầu nêu trên.

+ Bổ sung quy định tăng cường cơ chế liên thông, phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các ngành có liên quan trong công tác đăng ký, quản lý và thống kê hộ tịch, bảo đảm hiệu quả.

+ Sửa đổi, bổ sung các quy định về giải quyết một số việc hộ tịch bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với các quy định liên quan mới được quy định trong một số Luật, Nghị quyết mới được Quốc hội thông qua⁸ (thẩm quyền, trách nhiệm đăng ký, quản lý hộ tịch theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp quy định tại theo Nghị quyết số 203/2025/QH15, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam; ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh đối với trẻ em sinh ra có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài; đặt tên khi đăng ký khai sinh cho trẻ em có quốc tịch Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài; đăng ký giám sát việc giám hộ; vị trí, việc làm, tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của công chức làm công tác hộ tịch thống nhất với Luật Tổ chức chính quyền địa phương); một số quy định gây hiểu chưa thống nhất, khó áp dụng hoặc áp dụng chưa thống nhất trong thực tế giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam đã và đang tham gia nhiều điều ước quốc tế, thỏa thuận song phương và đa phương liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân, đặc biệt là quyền được đăng ký khai sinh, xác định tình trạng nhân thân và công nhận giấy tờ hộ tịch có yếu tố nước ngoài. Với xu thế chuyển đổi số mạnh mẽ trong quản trị quốc gia, nhiều quốc gia đã và đang áp dụng mô hình quản lý, đăng ký hộ tịch điện tử, liên thông, kết nối và chia sẻ dữ liệu xuyên biên giới, cần thiết phải có các quy định mới xác định rõ giá trị pháp lý của dữ liệu, giấy tờ hộ tịch điện tử, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin cá

⁸ Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Quốc tịch Việt Nam; Luật Căn cước; Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam...

nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong các quan hệ dân sự, hành chính có yếu tố nước ngoài.

Luật Hộ tịch năm 2026 được xây dựng nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, khắc phục những vướng mắc, bất cập, nội dung không còn phù hợp, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc ban hành Luật Hộ tịch năm 2026 thay thế Luật Hộ tịch năm 2014 nhằm:

a) Bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Hộ tịch năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; phù hợp với việc tổ chức, sắp xếp bộ máy hành chính nhà nước, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, tạo cơ sở pháp lý ổn định cho hoạt động đăng ký, quản lý hộ tịch;

b) Đẩy mạnh việc hiện đại hóa, chuyển đổi số toàn diện, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, tạo thuận lợi nhất cho người yêu cầu đăng ký hộ tịch;

c) Tăng cường đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính (TTHC), giảm chi phí thực hiện TTHC, thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính, đăng ký hộ tịch trực tuyến toàn trình;

d) Bảo đảm phối hợp chặt chẽ, thông suốt giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc chia sẻ dữ liệu, kết nối liên thông để đăng ký, quản lý hộ tịch.

2. Quan điểm ban hành Luật

a) Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cải cách tư pháp, cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền, tổ chức, sắp xếp bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch; đổi mới tư duy công tác xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế.

b) Bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với các quy định của Hiến pháp và các luật liên quan (Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Quốc tịch Việt Nam, Luật Căn cước...).

c) Kế thừa, phát triển những quy định đã phát huy hiệu quả trong thực tiễn; sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật hộ tịch có vướng mắc, không còn phù hợp, kịp thời giải quyết những vấn đề bất cập phát sinh trong thực tế, bảo đảm tính khả thi,

hiệu quả, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, cơ quan đăng ký hộ tịch.

d) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đăng ký, quản lý hộ tịch, tăng cường thông tin, phối hợp liên ngành và chia sẻ dữ liệu giữa các ngành, các cấp.

đ) Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành quy định để bảo đảm linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tiễn.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT

Luật Hộ tịch gồm 4 Chương, 30 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I. Những quy định chung gồm 14 điều, từ Điều 1 đến Điều 14.
- Chương II: Đăng ký hộ tịch gồm 02 mục, 09 điều, từ Điều 15 đến Điều 23.
- Chương III. Cơ sở dữ liệu hộ tịch gồm 04 điều từ Điều 24 đến Điều 27.
- Chương IV. Điều khoản thi hành gồm 03 điều, từ Điều 28 đến Điều 30.

1. Chương I: Quy định chung. Gồm 14 điều (*từ Điều 1 đến Điều 14*), quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Giải thích từ ngữ; (3) Nguyên tắc đăng ký hộ tịch, khai thác, chia sẻ dữ liệu hộ tịch; (4) Nội dung đăng ký hộ tịch; (5) Quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của cá nhân; (6) Chính sách của Nhà nước về đăng ký, quản lý hộ tịch; (7) Trách nhiệm của cơ quan nhà nước về hộ tịch; (8) Thẩm quyền đăng ký hộ tịch; (9) Giá trị pháp lý của giấy tờ hộ tịch, thông tin hộ tịch, dữ liệu hộ tịch điện tử; (10) Phương thức yêu cầu, trả kết quả đăng ký hộ tịch; (11) Hợp pháp hóa lãnh sự, dịch sang tiếng Việt đối với giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp, công chứng hoặc xác nhận; (12) Phí, lệ phí hộ tịch; (13) Các hành vi bị nghiêm cấm; (14) Xử lý vi phạm trong hoạt động đăng ký, quản lý hộ tịch.

2. Chương II: Đăng ký hộ tịch. Gồm 02 mục, 09 điều (*từ Điều 15 đến Điều 23*), cụ thể:

- **Mục 1: Đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã:** Gồm 07 điều (*từ Điều 15 đến Điều 21*), quy định về: (1) Đăng ký khai sinh; (2) Đăng ký kết hôn; (3) Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ, thay đổi giám hộ, giám sát việc giám hộ, chấm dứt giám sát việc giám hộ; (4) Đăng ký nhận cha, mẹ, con; (5) Thay đổi thông tin hộ tịch; (6) Đăng ký khai tử; (7) Ghi vào sổ hộ tịch sự kiện, thông tin hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

- **Mục 2: Đăng ký hộ tịch tại cơ quan đại diện:** Gồm 2 điều (*từ Điều 22 đến Điều 23*), quy định về: (1) Đăng ký hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài; (2) Người làm công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện.

3. Chương III. Cơ sở dữ liệu hộ tịch. Gồm 04 điều (*từ Điều 24 đến Điều 27*), quy định về: (1) Xây dựng, quản lý Cơ sở dữ liệu hộ tịch; (2) Thông tin trong Cơ

sở dữ liệu hộ tịch; (3) Khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch; (4) Bảo vệ Cơ sở dữ liệu hộ tịch.

4. Chương IV. Điều khoản thi hành. Gồm 03 điều (từ Điều 28 đến Điều 30), quy định về: (1) Giá trị của sổ hộ tịch giấy được lập, giấy tờ hộ tịch được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành; (2) Hiệu lực thi hành; (3) Điều khoản chuyển tiếp.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT HỘ TỊCH

Luật Hộ tịch năm 2026 đã tạo cơ sở pháp lý để chuyển đổi toàn diện hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch theo mô hình quản lý hiện đại, số hóa, liên thông và phục vụ. Cụ thể như sau:

1. Tất cả sự kiện, thông tin hộ tịch trong nước được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã, không phụ thuộc nơi cư trú, địa giới hành chính.

Nhằm bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, thực hiện chủ trương chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi nhất – lấy người dân làm trung tâm trong giai đoạn hiện nay, Điều 8 Luật Hộ tịch quy định:

“1. Ủy ban nhân dân cấp xã không phụ thuộc vào nơi cư trú của cá nhân đăng ký các sự kiện, thông tin hộ tịch quy định tại Điều 4 của Luật này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền ký giấy tờ hộ tịch. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền ký giấy tờ hộ tịch theo quy định, trừ các loại giấy tờ hộ tịch sau đây:

a) Giấy khai sinh;

b) Giấy chứng nhận kết hôn;

c) Giấy tờ hộ tịch trong trường hợp đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài.

3. Cơ quan đại diện đăng ký các sự kiện, thông tin hộ tịch quy định tại Điều 4 của Luật này cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài.

4. Cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan quản lý hộ tịch đang lưu giữ sổ hộ tịch giấy có trách nhiệm cập nhật vào sổ hộ tịch giấy các thay đổi thông tin của cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật này”.

Việc phân quyền đăng ký hộ tịch triệt để cho Ủy ban nhân dân cấp xã thuận lợi cho cả cơ quan đăng ký hộ tịch, người dân yêu cầu thực hiện đăng ký hộ tịch, tránh tình trạng đăng ký sai thẩm quyền, ảnh hưởng đến công tác quản lý, uy tín về giá trị giấy tờ hộ tịch, quyền, lợi ích hợp pháp của người dân. Theo quy định của Luật, người dân có thể yêu cầu đăng ký các sự kiện, thông tin hộ tịch tại bất kỳ Ủy ban nhân dân cấp xã nào mà không phụ thuộc nơi cư trú hoặc địa giới hành chính. Quy định này xuất phát từ yêu cầu thực tiễn hiện nay khi nhu cầu học tập, lao động, cư trú của người dân ngày càng linh hoạt, không còn bó hẹp trong phạm

vi địa phương nơi đăng ký thường trú. Trước đây, nhiều trường hợp người dân phải quay trở về địa phương nơi cư trú hoặc nơi đã đăng ký hộ tịch trước đó để thực hiện thủ tục, gây tốn kém thời gian, chi phí và phát sinh không ít khó khăn. Với quy định mới, người dân có thể lựa chọn nơi thuận tiện nhất để thực hiện thủ tục hành chính, đặc biệt là người lao động, sinh viên, người làm việc xa quê hoặc thường xuyên di chuyển.

Để tạo thuận lợi, bảo đảm thời hạn giải quyết TTHC trong lĩnh vực hộ tịch, khoản 2 Điều 8 Luật Hộ tịch quy định: Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền (cho người thực hiện công tác hộ tịch) ký một số giấy tờ hộ tịch, trừ Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, giấy tờ hộ tịch trong trường hợp đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài - do đây là những giấy tờ hộ tịch thiết yếu, quan trọng, người dân thường sử dụng các giấy tờ này tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, cần có kiểm soát chặt chẽ hơn.

Về đăng ký, quản lý hộ tịch tại Cơ quan đại diện, Luật giao Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết nhằm bảo đảm phù hợp với tính chất đặc thù của công tác hộ tịch ở nước ngoài, gắn với hoạt động lãnh sự, quan hệ với pháp luật nước sở tại và điều kiện thực tiễn khác nhau giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ.

2. Đơn giản hóa mạnh mẽ thủ tục đăng ký hộ tịch theo hướng tăng cường đăng ký trực tuyến, liên thông dữ liệu, giảm giấy tờ, xác lập giá trị pháp lý của dữ liệu hộ tịch điện tử, xác định nguyên tắc “người dân chỉ cung cấp thông tin một lần”, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu đã có để giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân.

Thứ nhất, thực hiện chủ trương tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hộ tịch năm 2026 quy định 10 thủ tục đăng ký hộ tịch, giao Chính phủ quy định 7 thủ tục đăng ký hộ tịch, giảm 22 thủ tục hành chính so với Luật Hộ tịch năm 2014. Bên cạnh đó, Luật Hộ tịch chỉ quy định thẩm quyền, đối tượng, phạm vi của từng thủ tục đăng ký hộ tịch, bao quát các trường hợp đăng ký hộ tịch (bao gồm các trường hợp thông thường, đặc biệt, đăng ký hộ tịch trong nước và có yếu tố nước ngoài, đăng ký hộ tịch cho đối tượng yếu thế). Các quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, thời hạn, trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch - là những nội dung dễ thay đổi, biến động, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, theo nguyên tắc giấy tờ là thành phần hồ sơ thuộc loại giấy tờ/thông tin đã khai thác được trong các cơ sở dữ liệu thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải chủ động khai thác, người dân không phải nộp, xuất trình hoặc cung cấp lại, rút ngắn và bảo đảm khả thi về thời hạn giải quyết, trả kết quả đăng ký hộ tịch.

Thứ hai, về phương thức thực hiện thủ tục đăng ký hộ tịch, dù thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ, nhưng Luật vẫn quy định các phương thức thực hiện

truyền thông (nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền, gửi hồ sơ qua hệ thống dịch vụ bưu chính) bởi vì một bộ phận người dân ở địa bàn còn khó khăn về internet, về điều kiện tiếp cận (như hộ nghèo, hộ cận nghèo...) hoặc kỹ năng số còn hạn chế (như đồng bào dân tộc thiểu số, người cao tuổi...) chỉ có thể thực hiện TTHC theo phương thức truyền thông này. Việc quy định nhiều phương thức là để người dân có nhiều cơ hội lựa chọn và bảo đảm thực hiện quyền của mình tốt nhất. Luật giao Chính phủ quy định chi tiết về đăng ký hộ tịch trực tuyến theo hướng bảo đảm thực hiện đăng ký hộ tịch trực tuyến đối với tất cả các thủ tục, trực tuyến toàn trình đối với hầu hết các thủ tục, trừ thủ tục đăng ký kết hôn, giám hộ - là việc hộ tịch có điều kiện, cần thể hiện rõ sự tự nguyện, khả năng đáp ứng của các bên. Theo đó, Điều 10 Luật Hộ tịch quy định:

“1. Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có quyền lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan quản lý hộ tịch có thẩm quyền.

2. Thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử được trả kết quả là bản giấy và bản điện tử.

Thủ tục đăng ký hộ tịch khác được trả kết quả là bản điện tử; kết quả là bản giấy chỉ trả khi người đăng ký hộ tịch có yêu cầu.

3. Người đăng ký hộ tịch lựa chọn nhận kết quả là bản giấy qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan quản lý hộ tịch, trừ trường hợp đăng ký kết hôn thì nhận trực tiếp Giấy chứng nhận kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch”.

Thứ ba, Luật bổ sung quy định về tăng cường liên thông thủ tục đăng ký hộ tịch với các thủ tục liên quan, bảo đảm người dân chỉ cung cấp thông tin một lần; cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm khai thác dữ liệu điện tử, tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu liên quan, phù hợp với mức độ đáp ứng của cơ sở dữ liệu, không yêu cầu người dân phải nộp, xuất trình hoặc tải lên giấy tờ là thành phần hồ sơ, trừ trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác, nhằm thể chế hóa chủ trương cải cách TTHC, tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước, lấy người dân làm trung tâm phục vụ và thúc đẩy chuyển đổi số (khoản 6, 7 Điều 3).

Quy định này cũng góp phần nâng cao trách nhiệm của cơ quan đăng ký hộ tịch trong việc chủ động khai thác dữ liệu, bảo đảm nguyên tắc “cung cấp thông tin một lần”, đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho việc liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

Thứ tư, để phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, Luật quy định Sổ hộ tịch gồm sổ hộ tịch giấy và sổ hộ tịch điện tử được lưu trữ vĩnh viễn để xác nhận, ghi hoặc cập nhật sự kiện, thông tin hộ tịch. Sổ hộ tịch điện tử được lập đối với tất cả các loại việc hộ tịch và chỉ lập sổ giấy đối với việc đăng ký kết hôn để phù hợp với

đặc thù, truyền thống: hai bên nam nữ phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch để khẳng định sự tự nguyện và trực tiếp ký vào Sổ đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn trước sự chứng kiến của đại diện cơ quan đăng ký hộ tịch (Luật Hộ tịch năm 2014 yêu cầu mở sổ giấy đối với tất cả các loại việc về hộ tịch). Quy định này cũng phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, tương tự như nhiều nước trong khu vực và trên thế giới (Pháp, CHLB Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á...).

Về giấy tờ hộ tịch, Luật quy định giấy tờ hộ tịch là văn bản pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp khi giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch, gồm Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy chứng tử, văn bản xác nhận hộ tịch, bảo đảm đúng tính chất quan trọng của việc khai sinh, kết hôn, khai tử.

Việc cấp giấy tờ hộ tịch (bản điện tử, bản giấy, bản chính, bản sao) giao Chính phủ quy định cụ thể theo hướng: tất cả các giấy tờ hộ tịch đều cấp bản điện tử; chỉ mặc nhiên cấp bản giấy đối với các giấy tờ hộ tịch thiết yếu, quan trọng (Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy chứng tử); các loại việc khác sẽ cấp bản giấy khi có yêu cầu của người dân.

3. Chuyển từ phương thức “quản lý thụ động” sang “phục vụ chủ động”, với các quy định về đăng ký khai sinh, khai tử chủ động.

Luật bổ sung cơ chế đăng ký khai sinh, khai tử chủ động, đánh dấu bước chuyển từ phương thức “người dân tìm đến cơ quan nhà nước” sang “cơ quan nhà nước chủ động phục vụ người dân”. Theo đó, khi dữ liệu từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được kết nối, chia sẻ tự động với hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử và đã có đầy đủ thông tin cần thiết, cơ quan đăng ký hộ tịch sẽ chủ động thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em được sinh tại cơ sở y tế và đăng ký khai tử đối với trường hợp tử vong tại cơ sở y tế.

Trong trường hợp chưa đủ điều kiện để thực hiện đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử theo cơ chế chủ động do thiếu hoặc chưa cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết, người có trách nhiệm đăng ký vẫn thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh, khai tử theo các phương thức thông thường và trong thời hạn do pháp luật quy định. Quy định này bảo đảm mọi sự kiện hộ tịch đều được đăng ký đầy đủ, kịp thời, đồng thời tạo sự linh hoạt trong quá trình chuyển đổi sang phương thức quản lý, phục vụ người dân trên môi trường số (khoản 3 Điều 15, khoản 3 Điều 20).

Việc quy định đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử theo hướng “chủ động” của cơ quan đăng ký hộ tịch nhằm thể chế hóa chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số, lấy người dân làm trung tâm. Việc đăng ký chủ động của cơ quan nhà nước sẽ góp phần bảo đảm đăng ký kịp thời, đầy đủ các sự kiện hộ tịch, giảm gánh nặng thủ tục cho người dân, nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu, đồng thời vẫn bảo đảm trách nhiệm đăng ký của cá nhân trong trường hợp không thực hiện được đăng ký chủ động theo quy định của pháp luật. Luật giao Chính phủ quy định cụ

thể về trình tự, thủ tục và lộ trình thực hiện đăng ký khai sinh, khai tử chủ động, bảo đảm thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn quốc từ ngày 01/01/2031 (khoản 1 Điều 29).

4. Cơ sở dữ liệu hộ tịch được xác định là cơ sở dữ liệu quốc gia, được xây dựng tập trung, thống nhất, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Điều 24 Luật Hộ tịch quy định:

“1. Cơ sở dữ liệu hộ tịch là cơ sở dữ liệu quốc gia, được xây dựng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, do Bộ Tư pháp quản lý.

2. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch phải bảo đảm mở rộng, nâng cấp, phát triển, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác; bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; bảo đảm lưu trữ đầy đủ thông tin hộ tịch của cá nhân trong các lần thu thập, cập nhật, điều chỉnh trong cơ sở dữ liệu.

3. Cơ sở dữ liệu hộ tịch được bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền mới được tiếp cận và khai thác theo quy định của pháp luật”.

CSDLHT là cơ sở dữ liệu quốc gia, được xây dựng, quản lý tập trung từ Trung ương đến địa phương do Bộ Tư pháp quản lý; được bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, có khả năng mở rộng, nâng cấp; kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác; bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; bảo đảm lưu trữ đầy đủ thông tin của cá nhân trong các lần thu thập, cập nhật, điều chỉnh. Sử dụng thống nhất thuật ngữ “Cơ sở dữ liệu hộ tịch” để phù hợp với Luật Dữ liệu và Luật Giao dịch điện tử.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết việc cập nhật, thu thập, làm sạch dữ liệu hộ tịch lịch sử, dữ liệu hộ tịch đã được số hóa trước đây; phương thức, trình tự, thủ tục khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch để cấp bản sao giấy tờ hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch; xác nhận tình trạng hôn nhân.

Để bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý đối với dữ liệu trong CSDLHT, Luật cũng quy định cụ thể về thông tin trong CSDLHT gồm bản quét hoặc bản chụp trang sổ hộ tịch giấy, giấy tờ hộ tịch tương ứng đối với thông tin hộ tịch được số hóa, chuẩn hóa, thu thập theo quy định và các thông tin hộ tịch của cá nhân được xác lập, cập nhật khi đăng ký hộ tịch; các nguồn xác lập thông tin cho CSDLHT (Điều 25). Luật cũng quy định cụ thể việc khai thác thông tin trong CSDLHT, chỉ chính cá nhân có dữ liệu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được khai thác thông tin trong CSDLHT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đó; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác chỉ được khai thác thông tin trong CSDLHT nếu có sự đồng ý của cá nhân là chủ thể của thông tin được khai thác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đồng thời, để bảo vệ quyền lợi của những trường hợp đặc biệt như

người chưa thành niên, người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, Luật cũng quy định cụ thể việc khai thác thông tin của những trường hợp này và việc khai thác thông tin của những người đã bị tuyên bố mất tích, người đã chết.

5. Luật tiếp tục hoàn thiện các quy định nhằm bảo đảm tốt hơn quyền nhân thân của cá nhân, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

Luật bổ sung quy định về quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của người gốc Việt Nam chưa xác định quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Căn cước: *“Công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, người không quốc tịch, người nước ngoài có quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch theo quy định của Luật này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác”* (khoản 1 Điều 5).

Luật bổ sung quy định về giá trị pháp lý của giấy tờ hộ tịch, thông tin hộ tịch, dữ liệu hộ tịch điện tử, trong đó xác định thông tin khai sinh là thông tin hộ tịch gốc của cá nhân; mọi thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, cơ sở dữ liệu khác của cá nhân về họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; giới tính; dân tộc; quốc tịch; số định danh cá nhân; quê quán; quan hệ cha, mẹ, con phải phù hợp với thông tin khai sinh của người đó. Điều 9 của Luật cũng quy định: dữ liệu hộ tịch điện tử bao gồm bản điện tử giấy tờ hộ tịch, dữ liệu trong CSDLHT, có giá trị như giấy tờ hộ tịch bản giấy khi thực hiện TTHC và các giao dịch khác.

Thực tiễn cho thấy, thông tin cơ bản về nhân thân của cá nhân hiện đang được thu thập, sử dụng và lưu trữ phân tán tại nhiều cơ sở dữ liệu khác nhau, trong đó còn tồn tại tình trạng không thống nhất, sai lệch so với thông tin khai sinh, gây khó khăn cho người dân trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và khó khăn cho cả cơ quan nhà nước trong quản lý, khai thác dữ liệu. Việc khẳng định thông tin khai sinh là nguồn dữ liệu gốc, có giá trị pháp lý cao nhất, là căn cứ đối chiếu, chuẩn hóa và đồng bộ các thông tin trong các cơ sở dữ liệu khác không chỉ bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, mà còn đáp ứng yêu cầu xây dựng, vận hành hiệu quả các cơ sở dữ liệu, là yếu tố quyết định hiệu quả của việc liên thông, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung.

Luật bổ sung quy định đăng ký giám sát việc giám hộ, chấm dứt giám sát việc giám hộ liên quan đến tài sản của người được giám hộ theo hướng không phụ thuộc vào nơi cư trú của cá nhân (khoản 2 Điều 17).

Luật bổ sung quy định cho phép thay đổi thông tin về quê quán trong nội dung đăng ký khai sinh của người thành niên theo yêu cầu của người đó hoặc trong nội dung đăng ký khai sinh của con chưa thành niên theo yêu cầu của cha đẻ, mẹ đẻ nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, khắc phục khó khăn, vướng mắc trong nội dung khai sinh của các đối tượng trẻ em này (Điều 19).

Để bảo đảm thống nhất, đặc biệt là bảo đảm quyền có quốc tịch Việt Nam của trẻ em, điểm b khoản 1 Điều 21 của Luật quy định: trẻ em có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài, được cha, mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam tại thời điểm ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh thì cũng được tiếp nhận, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Các Ban Đảng, UBKT, VP - Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh, VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- UBMTTQ&TCCTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh;
- Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng tại địa phương tương đương cấp tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT STP (đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL (PTV).

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYÊN QUANG